BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách Thượng tại xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk

(Thực hiện theo Bản án hành chính số 147/2025/HC-ST, ngày 27/8/2025 của Tòa án Nhân Dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án hành chính số 22/2026/HC-PT, ngày 6/3/2026 của Tòa án Nhân Dân tối cao tại Đà Nẵng về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với hộ ông Trương Văn Hưng)

Kèm theo Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 21 /10/2026 của UBND xã Ea Ô

	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất/ thời gian tạo lập tài sản	Tỷ lệ % còn lại	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Đơn giá	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
I	**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN THEO QUYẾT ĐỊNH 461/QĐ-UBND ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT**										
1	**Hộ ông: TRƯƠNG VĂN HƯNG (Vợ là: Lý Thị Quý) Địa chỉ thường trú: Thôn 6D, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk**									**29.740.620**	
a	**Hỗ trợ về đất**									**29.740.620**	
1	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 08/09	2009		m2	1.616,70	1.616,7	18.200	50%	14.711.970	
2	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 12/07	2009		m2	1.651,50	1.651,5	18.200	50%	15.028.650	
2	**Không xác định đối tượng sử dụng đất**									**115.054.000**	
a	**Hỗ trợ về đất**									**115.054.000**	
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 129/10	2009		m2	13.698,30	11.505,4	20.000	50%	115.054.000	
II	**THỰC HIỆN THEO BẢN ÁN VÀ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 461/QĐ-UBND KẾT QUẢ NHƯ SAU:**										
1	**Hộ ông: TRƯƠNG VĂN HƯNG (Vợ là: Lý Thị Quý) Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D cũ), xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk**									**123.350.610**	
a	**Hỗ trợ về đất**						**10.680,9**			**123.350.610**	
1	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 08/09	2005		m2	1.616,70	1.616,7	18.200	50%	14.711.970	
2	Đất trồng lúa nước một vụ	Thửa 12/07	T3/2004		m2	1.651,50	1.651,5	18.200	80%	24.045.840	
3	Đất trồng cây lâu năm	1 phần Thửa 129/10	T3/2004		m2	8.151,70	1.744,3	20.000	80%	27.908.800	
4	Đất trồng cây lâu năm		2009		m2		5.668,4	20.000	50%	56.684.000	

TT	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất	Thời gian tạo lập tài sản theo XNNG	Phần trăm còn lại của VKT	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Khối lượng chuẩn mật độ	Khối lượng vượt mật độ	Đơn giá	Tỉ lệ hỗ trợ theo mật độ (%)	Tỷ lệ hỗ trợ cây trồng chính/cây trồng phụ (xen) (%)	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
III	**BẢNG TỔNG HỢP THEO QUYẾT ĐỊNH ĐÃ PHÊ DUYỆT SỐ 08**															
1	**Hộ ông: TRƯƠNG VĂN HƯNG (Vợ là: Lý Thị Quý) Địa chỉ thường trú: Thôn 6D, xã Cư Elang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk**														**0**	Tài sản tạo lập sau thông báo THĐ không BT, HT
a	**Hỗ trợ về đất**															
1	Đất trồng lúa một vụ	Thửa 08/09	2009			m2	1.616,70	1.616,70								
2	Đất trồng lúa một vụ	Thửa 12/07	2009			m2	1.651,50	1.651,50								
b	**Hỗ trợ về cây trồng gắn liền với đất**															
	Lúa nước có hạt non	Thửa 12/07				m2	1.651,50							0%	0	
2	**Không xác định đối tượng sử dụng đất**														**30.530.105**	Tài sản tạo lập sau thông báo THĐ không BT, HT
a	**Hỗ trợ về đất**														**0**	
1	Đất trồng cây lâu năm	Thửa 129/10	2009			m2	13.698,30	11.505,40							0	
b	**Hỗ trợ về cây trồng gắn liền với đất**														**30.530.105**	
1	Điều thường trồng năm 2006 loại A	Thửa 129/10	2009	2009		cây	104,0	104,0	104,0		373.750,0	100%	100%	60%	23.322.000	
2	Điều thường trồng năm 2006 loại B	Thửa 129/10	2009	2009		cây	19,0	19,0	19,0		299.000,0	100%	100%	60%	3.408.600	
3	Điều thường trồng năm 2006 loại C	Thửa 129/10	2009	2009		cây	12,0	12,0	12,0		209.300,0	100%	100%	60%	1.506.960	
4	Điều thường trồng năm 2015 loại A	Thửa 129/10	2009			cây	25,0				373.750,0			0%	0	
5	Điều thường trồng năm 2015 loại B	Thửa 129/10	2009			cây	10,0				299.000,0			0%	0	
6	Điều thường trồng năm 2015 loại C	Thửa 129/10	2009			cây	5,0				209.300,0			0%	0	
7	Điều thường trồng năm 2021 loại A	Thửa 129/10	2009			cây	52,0				90.700			0%	0	
8	Điều thường trồng năm 2021 loại B	Thửa 129/10	2009			cây	19,0				72.550			0%	0	

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách Thượng tại xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk

(Thực hiện theo Bản án hành chính số 147/2025/HC-ST, ngày 27/8/2025 của Tòa án Nhân Dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án hành chính số 22/2026/HC-PT, ngày 6/3/2026 của Tòa án Nhân Dân tối cao tại Đà Nẵng về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với hộ ông Trương Văn Hưng)

Kèm theo Quyết định số 1186/QĐ-UBND ngày 21 /10/2026 của UBND xã Ea Ô

9	Keo trồng năm 2019	Thửa 129/10	2009			cây	1,0				29.031			0%	0	
10	Mít thường trồng năm 2012 loại B	Thửa 129/10	2009			cây	2,0	2,0	1,0		1.187.000	100%	80%	60%	569.760	
11	Mít thường trồng năm 2015 loại C	Thửa 129/10	2009			cây	1,0				831.000			0%	0	
12	Lồng mức trồng năm 2015	Thửa 129/10	2009			cây	3,0				89.900			0%	0	
13	Xoài thường trồng năm 2012 loại B	Thửa 129/10	2009			cây	1,0	1,0	1,0		1.281.000	100%	80%	60%	614.880	
14	Xoài thường trồng năm 2019 loại B	Thửa 129/10	2009			cây	1,0				401.000			0%	0	
15	Keo có khối lượng gỗ. Kích thước trung bình của 1 cây là: Đường kính cách mặt đất 1,3m là 0.3m; chiều cao vút ngọn là 20m trồng năm 2012. Có 03 cây	Thửa 129/10	2009			m3	1,05	1,05	1,05		2.200.000	100%	80%	60%	1.107.905	Áp dụng giá gỗ cây bạch đàn

IV THỰC HIỆN THEO BẢN ÁN VÀ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/QĐ-UBND KẾT QUẢ NHƯ SAU:

TT	Họ và tên/Các hạng mục bồi thường, hỗ trợ về đất; bồi thường bằng đất	Số Thửa/Tờ Bản Đồ	Thời điểm sử dụng đất	Thời gian tạo lập tài sản theo XNNG	Phần trăm còn lại của VKT	Đơn vị tính	Tổng diện tích thửa đất; Khối lượng kiểm kê	Khối lượng bồi thường, hỗ trợ; Diện tích thu hồi	Khối lượng chuẩn mật độ	Khối lượng vượt mật độ	Đơn giá	Tỉ lệ hỗ trợ theo mật độ (%)	Tỷ lệ hỗ trợ cây trồng chính/cây trồng phụ (xen) (%)	Tỷ lệ hỗ trợ	Tổng thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	**Hộ ông: TRƯƠNG VĂN HƯNG (Vợ là: Lý Thị Quý) Địa chỉ thường trú: Thôn 9 (thôn 6D cũ), xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk**														**31.763.984**	Tài sản tạo lập sau thông báo THĐ không BT, HT
a	**Hỗ trợ về đất**															
1	Đất trồng lúa một vụ	Thửa 08/09	2005			m2	1.616,70	1.616,70								
2	Đất trồng lúa một vụ	Thửa 12/07	T3/2004			m2	1.651,50	1.651,50								
3	Đất trồng cây lâu năm	1 phần Thửa 129/10	T3/2004			m2	8.151,70	1.744,30								
4	Đất trồng cây lâu năm		2009			m2		5.668,40							0	
b	**Hỗ trợ về cây trồng gắn liền với đất**														**31.763.984**	
1	Lúa nước có hạt non	Thửa 12/07				m2	1.651,50		1.651,50		5.000	100%	100%	80%	6.606.000	
2	Điều thường trồng năm 2006 loại A	Thửa 129/10				cây	60,0		60,0		373.750,0	100%	100%	60%	13.455.000	
3	Điều thường trồng năm 2006 loại B	Thửa 129/10				cây	17,0		17,0		299.000,0	100%	100%	60%	3.049.800	
4	Điều thường trồng năm 2015 loại A	Thửa 129/10				cây	15,0		15,0		373.750,0	100%	100%	60%	3.363.750	
5	Điều thường trồng năm 2015 loại B	Thửa 129/10				cây	5,0		5,0		299.000,0	100%	100%	60%	897.000	
6	Điều thường trồng năm 2021 loại A	Thửa 129/10				cây	23,0		23,0		90.700	100%	100%	60%	1.251.660	
7	Điều thường trồng năm 2021 loại B	Thửa 129/10				cây	7,0		7,0		72.550	100%	100%	60%	304.710	
8	Keo trồng năm 2019	Thửa 129/10				cây	1,0		1,0		29.031	100%	80%	60%	13.935	
9	Mít thường trồng năm 2012 loại A	Thửa 129/10				cây	2,0		1,0		1.484.000	100%	80%	60%	712.320	
10	Xoài thường trồng năm 2019 loại A	Thửa 129/10				cây	1,0		1,0		802.000	100%	80%	60%	384.960	
11	Keo có khối lượng gỗ. Kích thước trung bình của 1 cây là: Đường kính cách mặt đất 1,3m là 0.3m; chiều cao vút ngọn là 20m trồng năm 2012. Có 03 cây	Thửa 129/10				m3	1,05		1,05		2.200.000	100%	80%	60%	1.107.905	Áp dụng giá gỗ cây bạch đàn
12	Cây Kơ nia trồng năm 2012	Thửa 129/10				cây	1,0		1,0		51.800	100%	80%	60%	24.864	Cây trồng bổ sung năm 2024
13	Vải trồng năm 2012, loại A	Thửa 129/10				cây	1,0		1,0		1.233.500	100%	80%	60%	592.080	

TT	Loại đất	Đơn vị	Diện tích
1	Đất trồng cây lâu năm	m2	7.412,7
2	Đất trồng lúa nước 1 vụ	m2	3.268,2
Tổng diện tích thu hồi		**m2**	**10.680,9**

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số tiền
1	Hỗ trợ về đất (thực hiện theo bản án)	đồng	123.350.610

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thi công công trình khu tái định cư số 1 (khu trồng màu) thuộc dự án: Hồ chứa nước Krông Pách Thượng tại xã Ea Ô, tỉnh Đắk Lắk

(Thực hiện theo Bản án hành chính số 147/2025/HC-ST, ngày 27/8/2025 của Tòa án Nhân Dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án hành chính số 22/2026/HC-PT, ngày 6/3/2026 của Tòa án Nhân Dân tối cao tại Đà Nẵng về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với hộ ông Trương Văn Hưng)

Kèm theo Quyết định số 1186 */QĐ-UBND ngày* 21 */10/2026 của UBND xã Ea Ô*

2	Hỗ trợ về cây trồng (thực hiện theo bản án)	đồng	31.763.984	
3	**Tổng số tiền hộ Trương Văn Hưng sau khi lập lại theo bản án**	**đồng**	**155.114.594**	
4	**Số tiền hỗ trợ hộ Trương Văn Hưng đã phê duyệt tại QĐ 461**	**đồng**	**29.740.620**	
5	**Số tiền hỗ trợ đối với diện tích 7.412,7 m2 của thửa đất số 129/10 tại QĐ 461**	**đồng**	**74.127.000**	**103.867.620**
6	**Số tiền hộ Trương Văn Hưng đã phê duyệt tại QĐ 08**	**đồng**	**0**	
7	**Số tiền đã phê duyệt đối với thửa đất số 129/10 tại QĐ 08**	**đồng**	**30.530.105**	
8	**Số tiền chênh lệch**	**đồng**	**51.246.974**	